

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Nguyệt
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Nguyệt
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Nguyệt

Mã SV: 1312401106

Lớp: QT1702K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Kim Lộ.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Kim Lộ.
2. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán. Giao nhận Kim Lộ.
 - Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Kim Lộ, sử dụng số liệu năm 2017.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Kim Lộ.
 - Địa chỉ : Số 66 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2. một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	4
1.1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	7
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	10
1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	11
1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	11
1.2.2 Kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	20
1.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	31
1.3 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp	36
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung.....	36
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	37
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	37
1.3.4.Hình thức kế toán trên máy vi tính	38
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ.	40
2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.	40
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.....	40
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lí tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ	42

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ	43
2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.....	45
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.....	45
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.....	55
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.....	61
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Kim Lộ.....	65
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ	73
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.	73
3.1.1. Đánh giá chung.....	73
3.1.2. Ưu điểm của công tác kế toán tại công ty.....	73
3.1.3. Nhược điểm của công tác kế toán tại công ty.....	75
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ .	76
3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện.....	76
3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ.....	76
KẾT LUẬN	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	96

LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với xu hướng hội nhập của toàn thế giới, đất nước ta từng bước đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước với xu thế hội nhập và phát triển. nền kinh tế thị trường đã mang lại cơ hội, thách thức lớn cho các doanh nghiệp đồng thời mang lại những lợi ích cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp muốn tồn tại thì phải tìm được các phương thức sản xuất kinh doanh phù hợp với sản phẩm của mình để có thể cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu của thị trường. chính vì vậy kế toán được sử dụng như là một công cụ quản lý để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về tình hình tiêu thụ trên thị trường đồng thời đánh giá cắt lớp thị trường, giúp cho các nhà quản lý đề ra các quyết định đúng đắn và có hiệu quả trong sản xuất, tiêu thụ và đầu tư nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.

Trong quá trình thực tập tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và giao nhận Kim Lộ em đã quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và giao nhận Kim Lộ”** cho bài khóa luận của mình. Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận của em gồm 3 chương như sau:

Chương 1: những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ.

Chương 3: một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và trình độ còn hạn chế nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:

Khái niệm về doanh thu:

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền..

Phân loại doanh thu:

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

➤ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thêm ngoài giá bán (nếu có).

➤ **Doanh thu nội bộ**

Phản ánh doanh thu của sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

➤ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

➤ **Chiết khấu thương mại:**

mai và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

Phân loại chi phí

a) Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

➤ **Chi phí quản lý kinh doanh:** Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

• **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản tính theo lương (khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ).

- Chi phí vật liệu, bao bì: Là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vật liệu để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hóa.

- Chi phí dụng cụ đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu

tiêu thu sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa.

• **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.
- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.
- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.
- Thuế phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.
- Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.
- Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

b) Chi phí hoạt động tài chính: Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

c) Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

d) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã được xác định tiêu thụ trong kỳ và các khoản thuế phải nộp theo quy định Nhà nước.

Kết quả hoạt động KD = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh

Trong đó: **Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ doanh thu** (*chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại, thuế TTDB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp*).

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động đầu tư tài chính như: thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ và chi phí hoạt động đầu tư tài chính như: chi phí lãi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết thực tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa thu nhập khác như: thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, bồi thường do vi phạm hợp đồng, thu thanh lý tài sản cố định và chi phí khác như: chi phí thanh lý tài sản cố định, chi bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả kinh doanh khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

❖ **Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận từ hoạt động khác:

Lợi nhuận từ hoạt động khác = Thu nhập từ hoạt động khác - Chi phí hoạt động khác

Lợi nhuận trước thuế:

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận trước} \\ \text{thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần từ} \\ \text{hoạt động kinh} \\ \text{doanh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động khác} \end{array}$$

Lợi nhuận sau thuế TNDN:

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau} \\ \text{thuế TNDN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận trước} \\ \text{thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế} \\ \text{TNDN} \end{array}$$

Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp

➤ *Các phương thức bán hàng*

▪ **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quây, hay tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

• **Bán buôn:** Là phương thức bán hàng qua lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn xuất bán thẳng.

Bán buôn hàng hóa qua kho: là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

Bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng: là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà xuất bán thẳng cho bên mua.

• **Bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

▪ **Phương thức chuyển hàng chờ nhận:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

▪ **Phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định là tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

▪ **Phương thức trả góp, trả chậm:** Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

▪ **Phương thức hàng đổi hàng:** Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa được cung ứng trên thị trường.

▪ **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa các đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp.

➤ *Các phương thức thanh toán*

Việc thanh toán với người mua về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra được thực hiện bằng:

- Phương thức trả ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Phương thức trả chậm, trả góp.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ

bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh trong kì.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp.
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.
- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.
- Phù hợp: Khi ghi nhận doanh thu phải ghi nhận một khoản chi phí phù hợp.
- Thận trọng: Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT), hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

Các TK cấp 2:

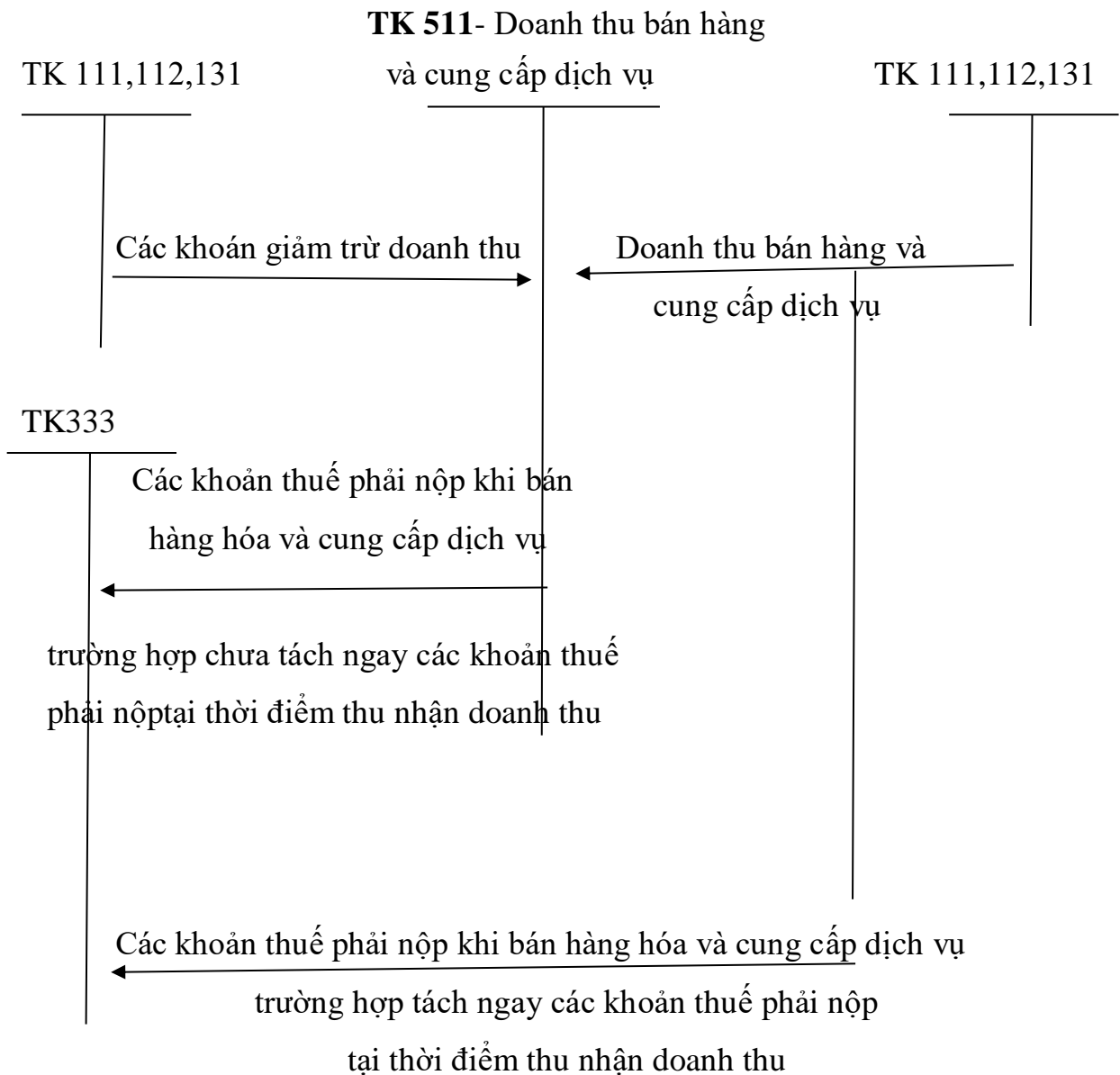
- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

Kết cấu của tài khoản 511:

Nợ	TK 511	Có
-Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

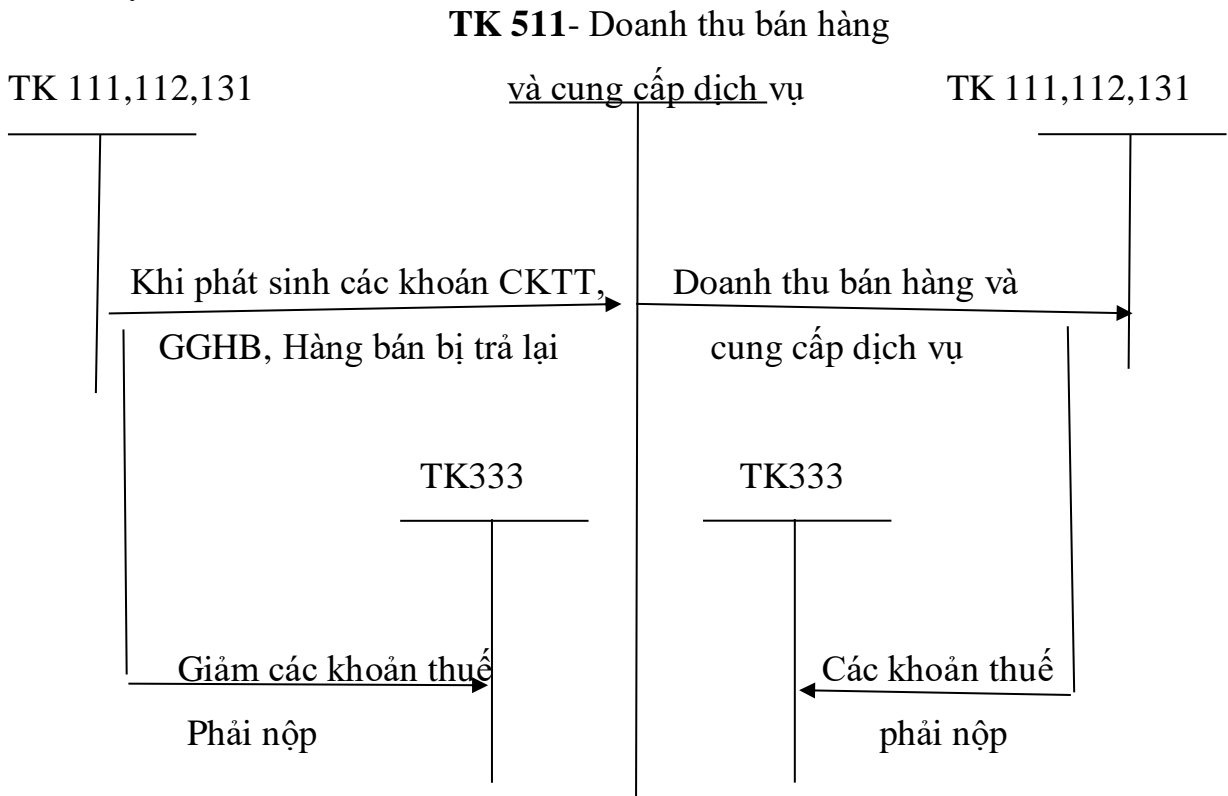
Tài khoản 511 không có số dư đầu và cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.1: kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.2: kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

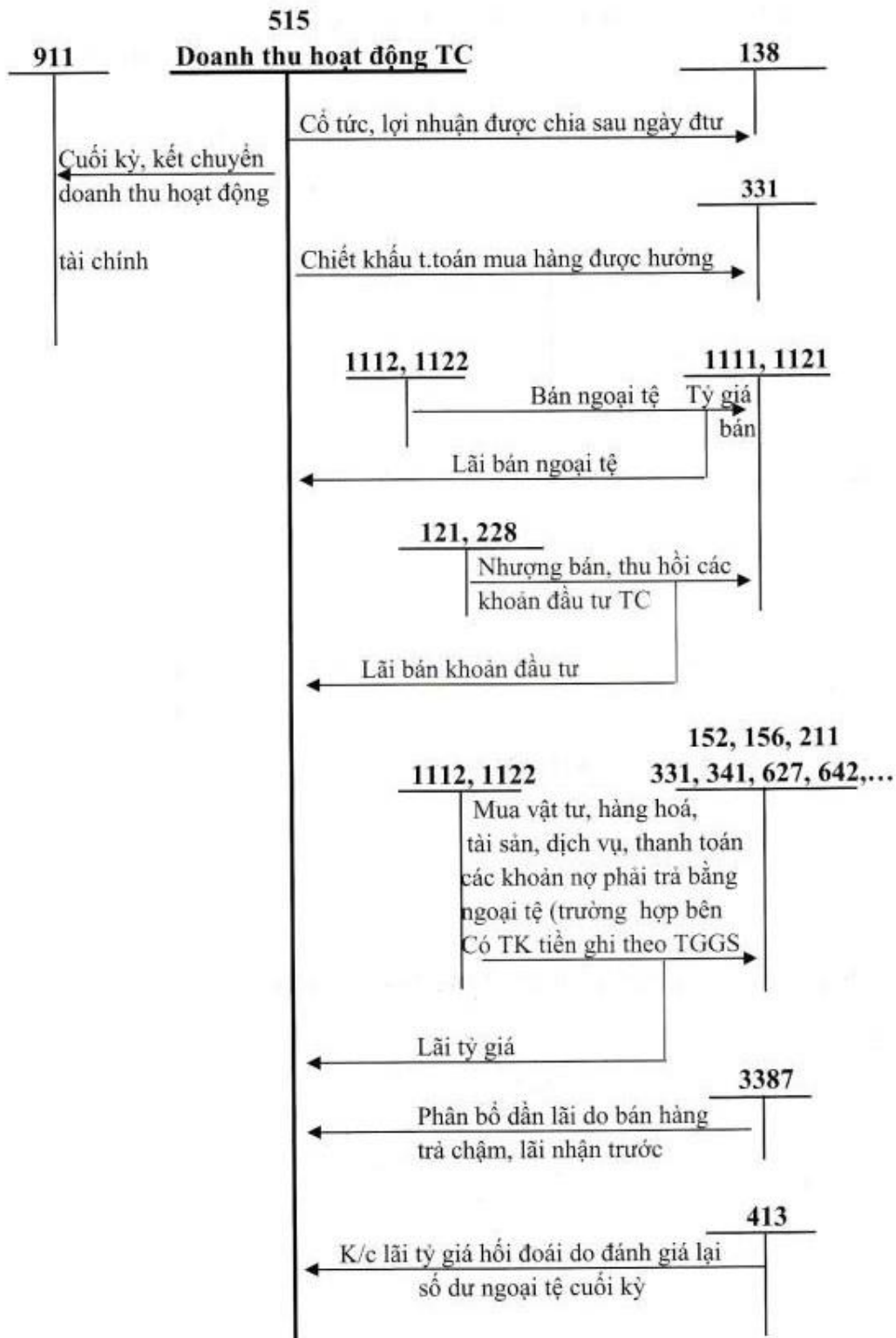
Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ **Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. 	
<p>Σ Phát sinh Nợ</p>		<p>Σ Phát sinh Có</p>

Tài khoản 515 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.3: kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Các giấy tờ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

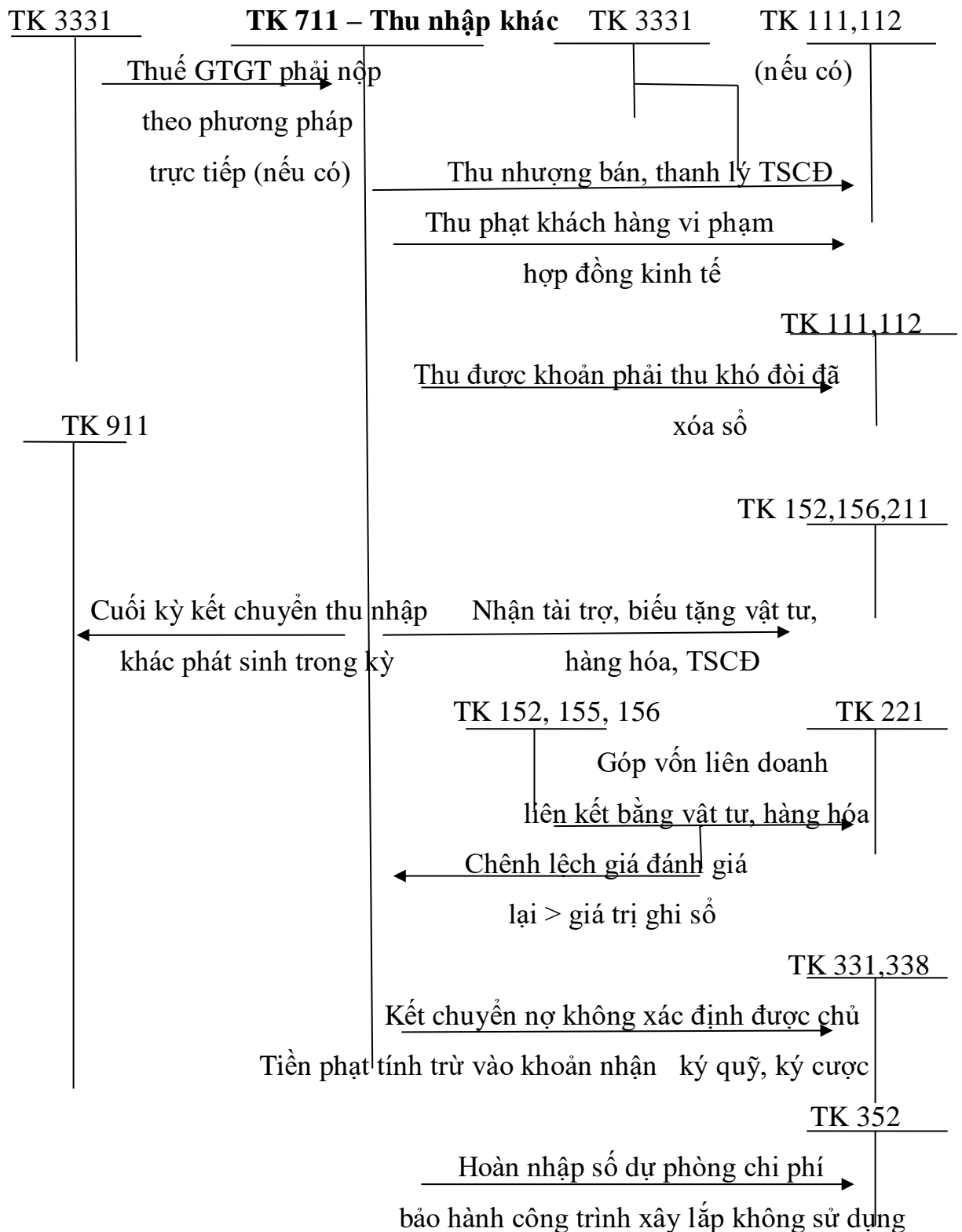
TK 711 – Thu nhập khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

❖ **Kết cấu tài khoản 711**

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch Toán



Sơ đồ 1.4: kế toán thu nhập khác

1.2.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong “Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho”:

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ

✓ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

✓ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Phiếu nhập kho (mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản kế toán sử dụng***

Tài khoản 632– Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

• ***Kết cấu tài khoản 632:***

- *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

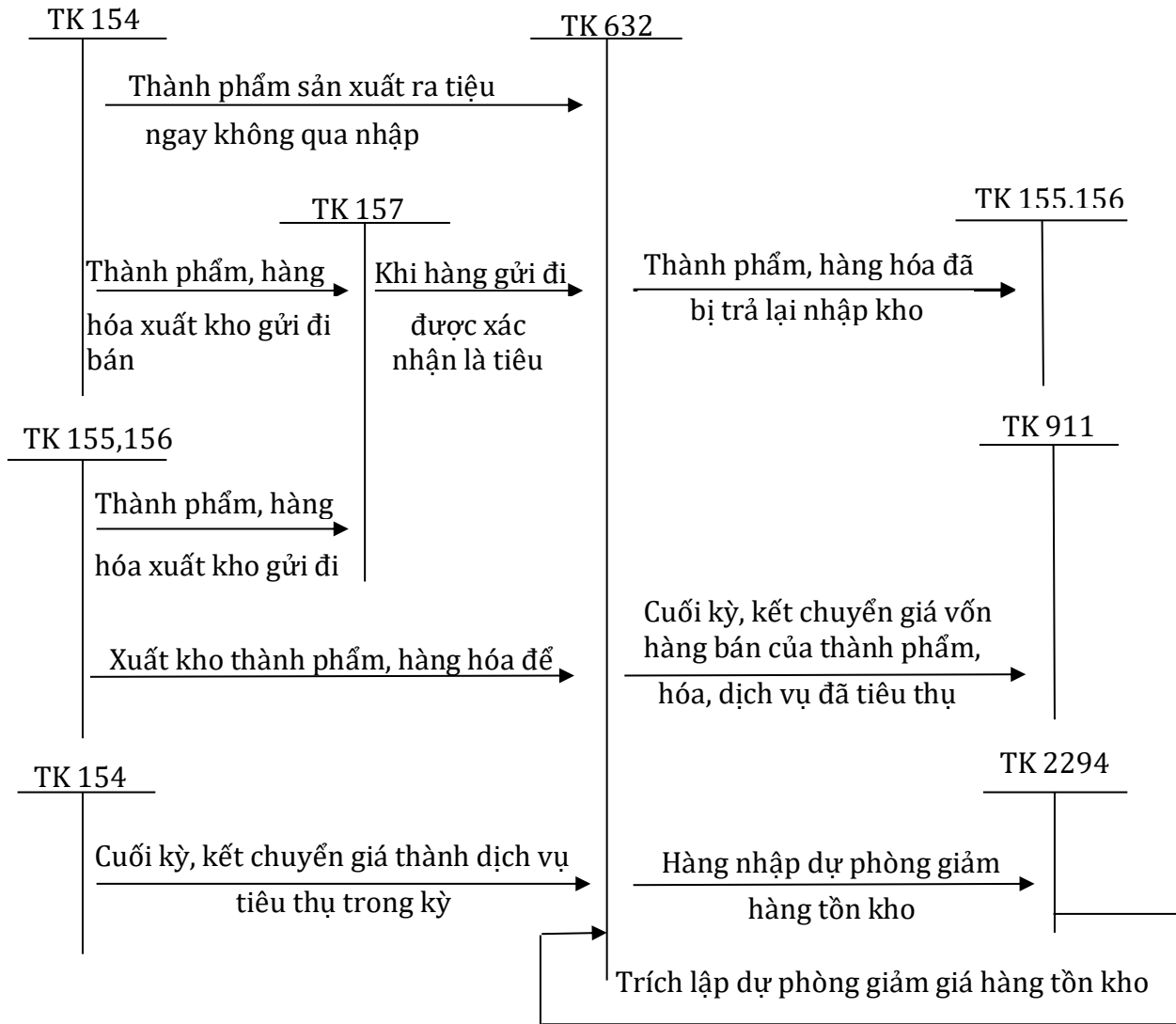
➤ *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

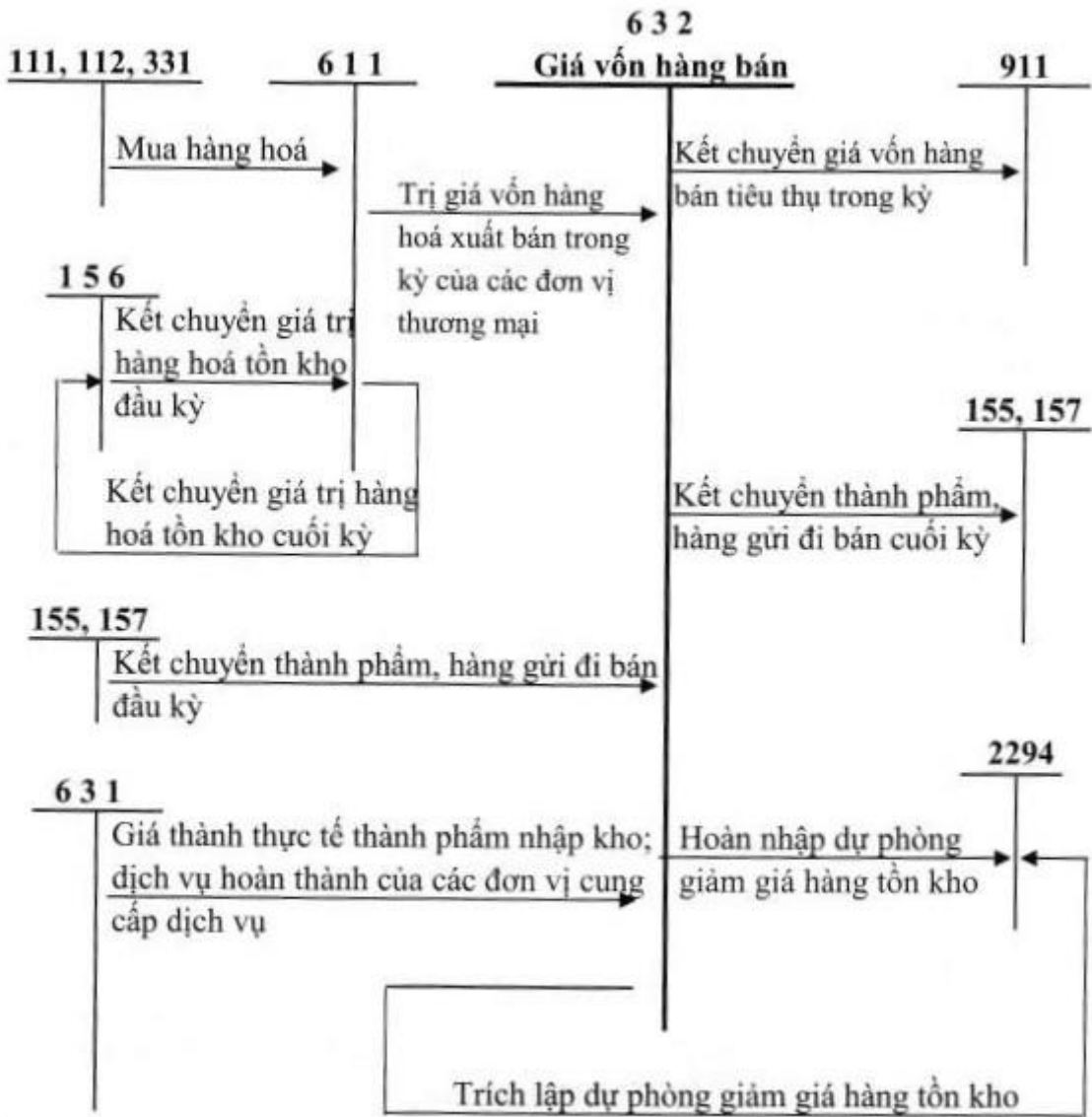
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ; - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.5: kế toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)





Sơ đồ 1.5: **kế toán giá vốn hàng bán**
 (Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

1.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Giấy báo có

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

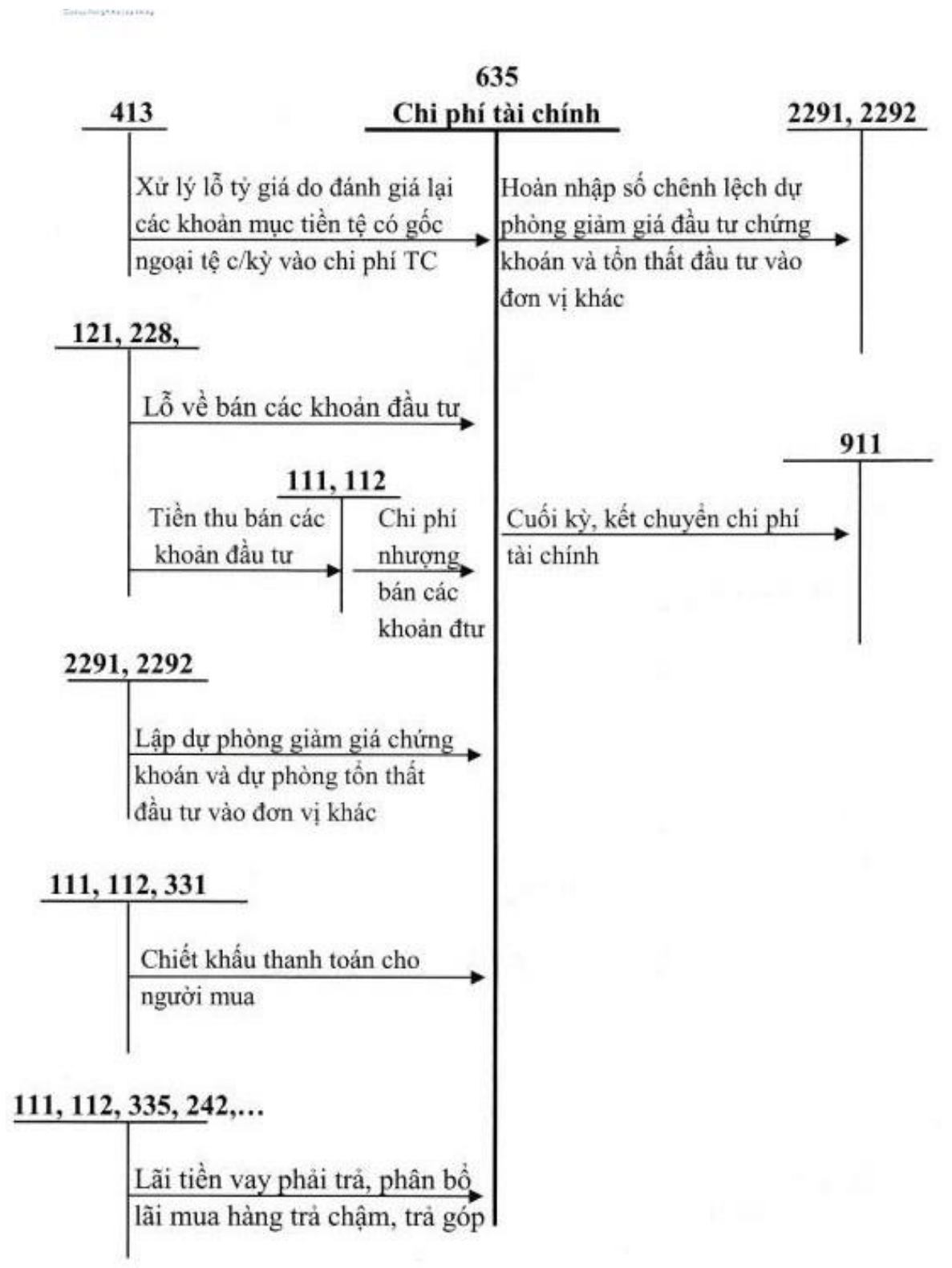
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

❖ **Kết cấu của tài khoản 635:**

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí tài chính

1.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (mẫu số 07 – VT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTKT3/001)
- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT)
- Phiếu kế toán
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421 – Chi phí bán hàng

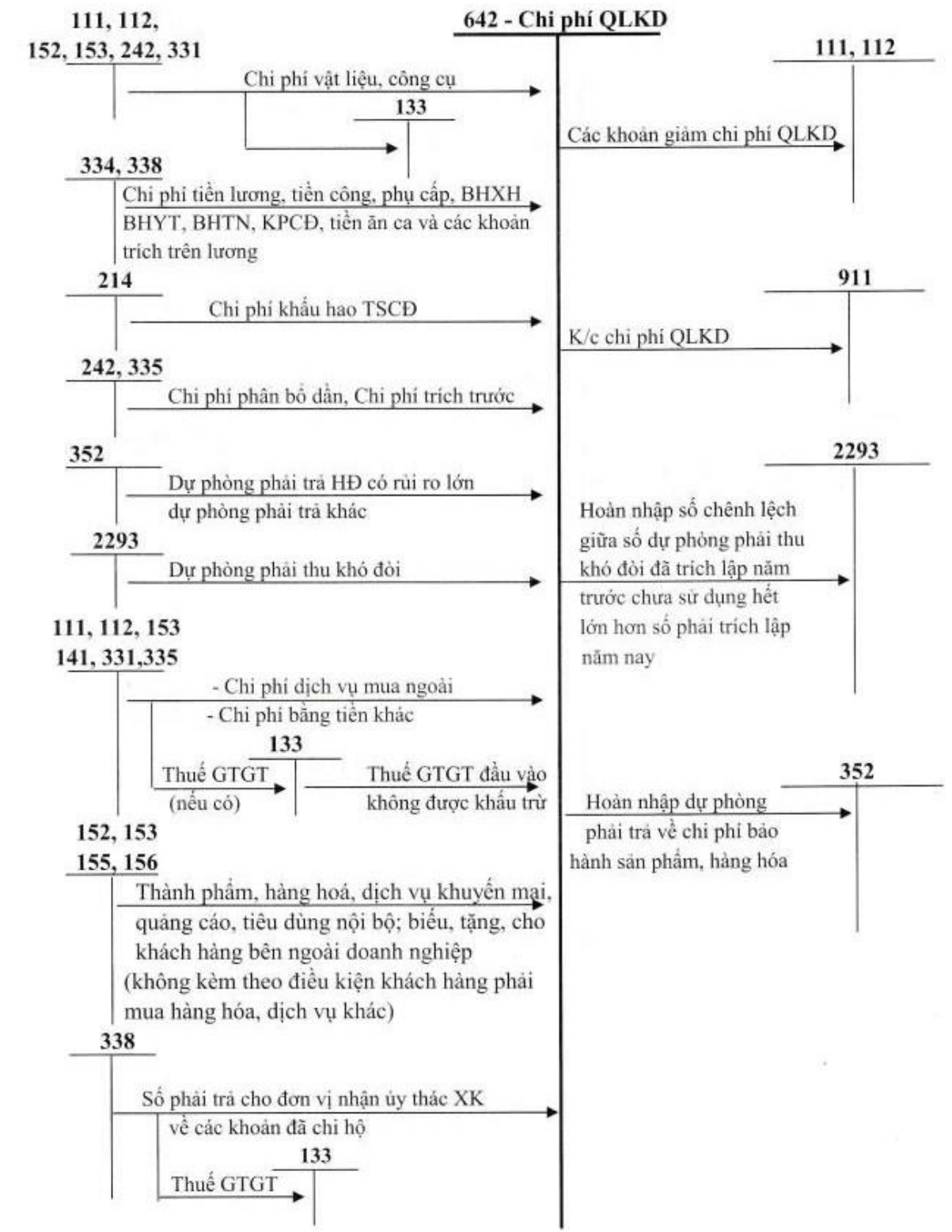
TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Kết cấu của tài khoản 642:**

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 642 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.4 Kế toán chi phí khác

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 811 – Chi phí khác

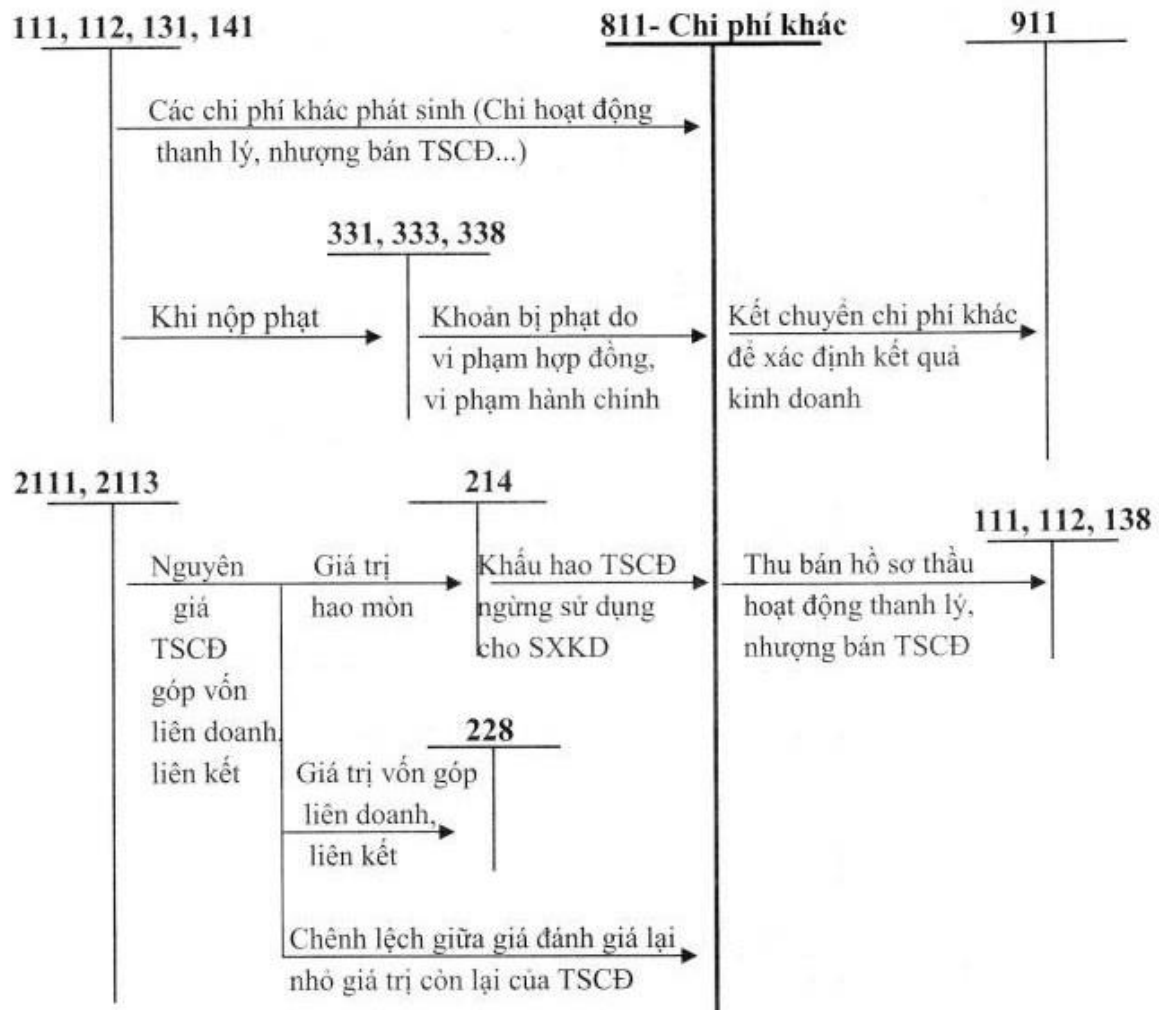
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với những hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Kết cấu tài khoản 811:**

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

Tài khoản 811 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán**



Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí khác

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

➤ **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

❖ **Kết cấu của tài khoản 911**

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;		- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp;
- Chi phí quản lý kinh doanh;		- Kết chuyển lỗ.
- Kết chuyển lãi.		
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu của tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải

hoãn lại.	nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
∑ Phát sinh Nợ	∑ Phát sinh Có

Tài khoản 821 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

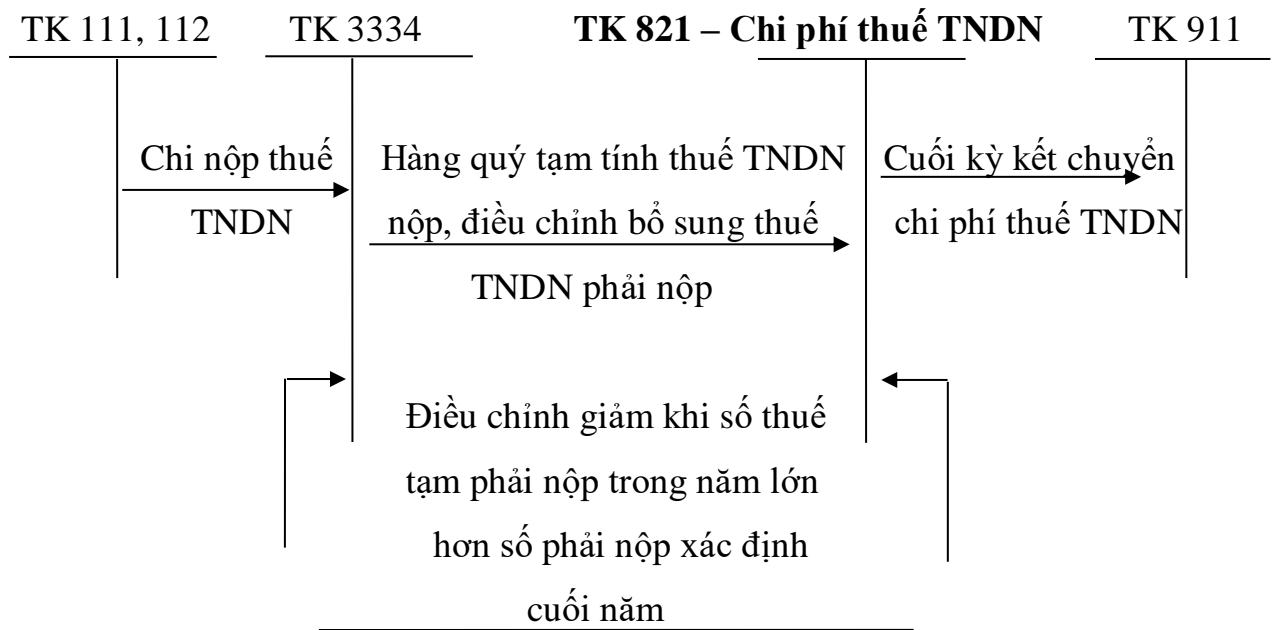
Các tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.*
- *Tài khoản 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.*

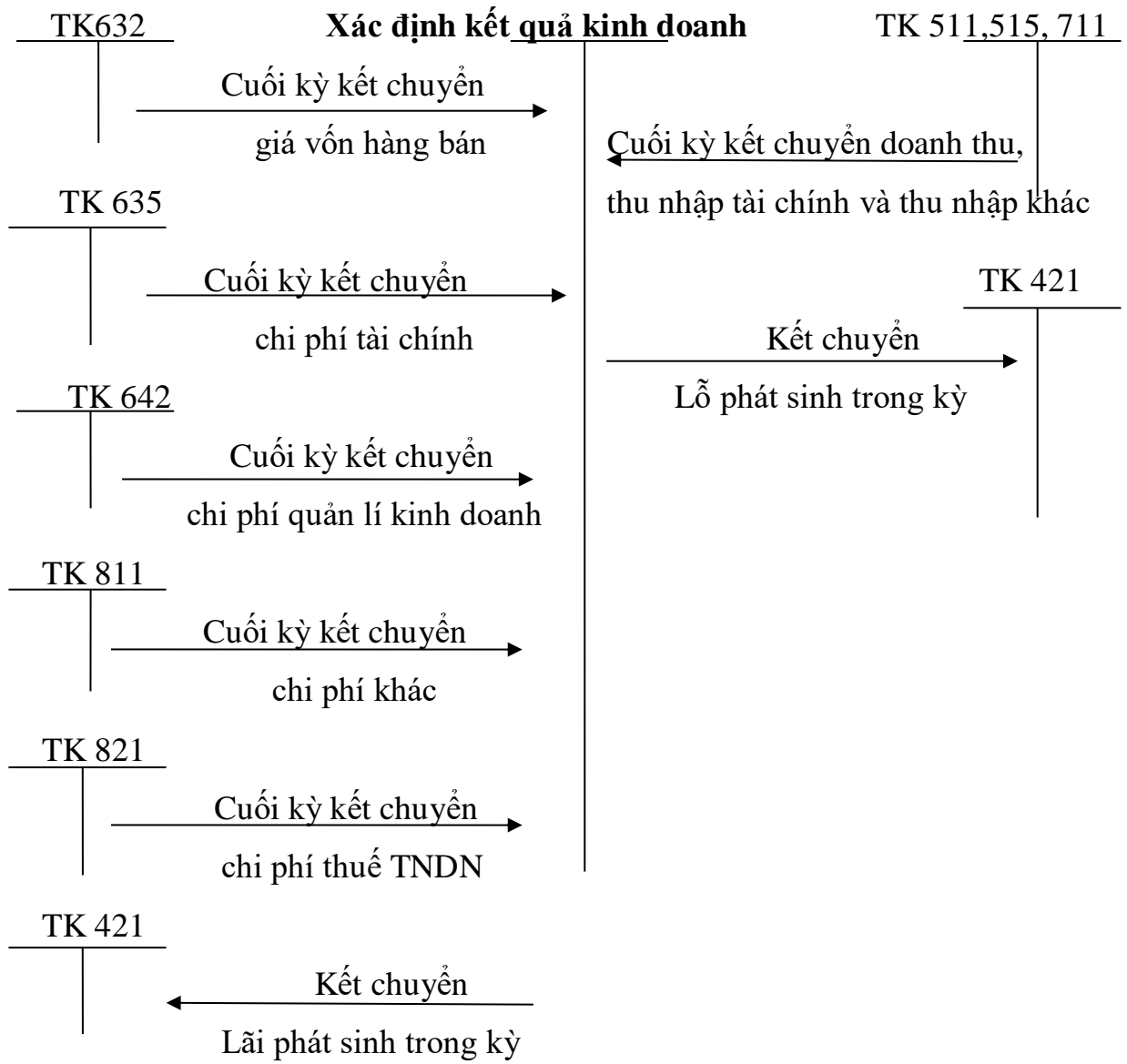
❖ *Kết cấu của tài khoản 421:*

Nợ	TK 421	Có
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;	- Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì;	
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;	- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên;	
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;	- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.	
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;		
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.		
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.11: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Sơ đồ 1.12: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

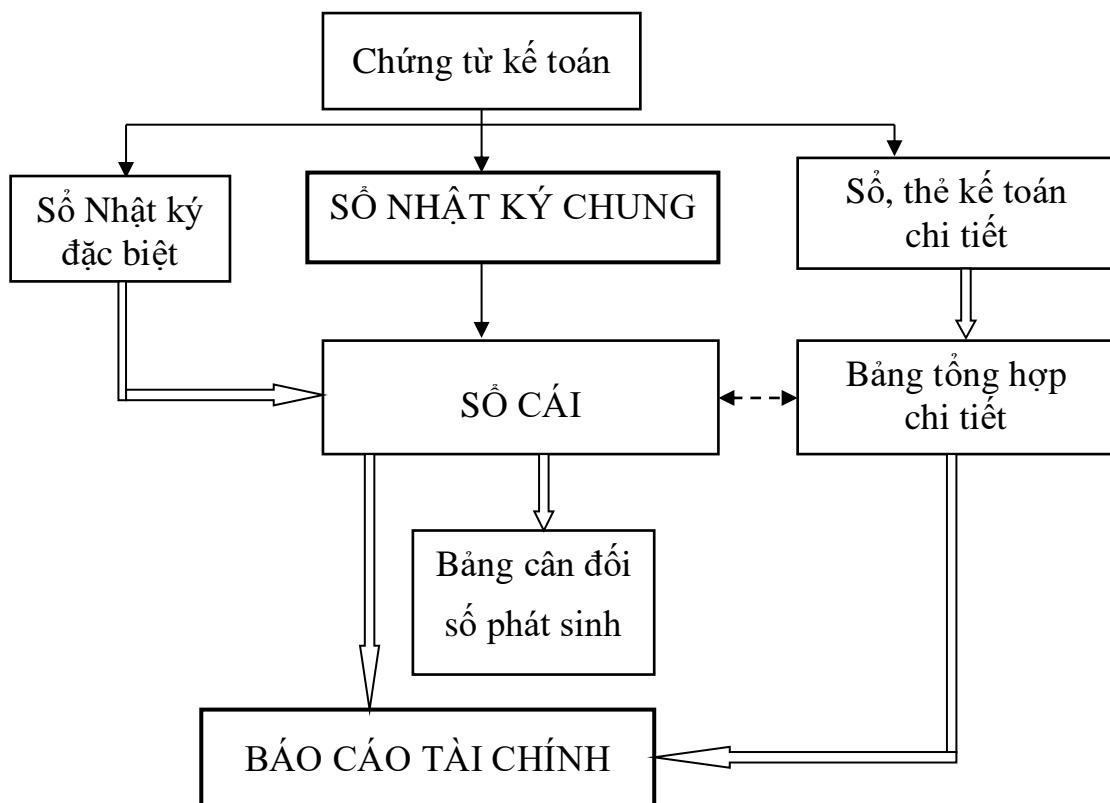
tk 911

1.3. Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp

1.3.1. Hình thức kế toán nhật ký chung

❖ **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

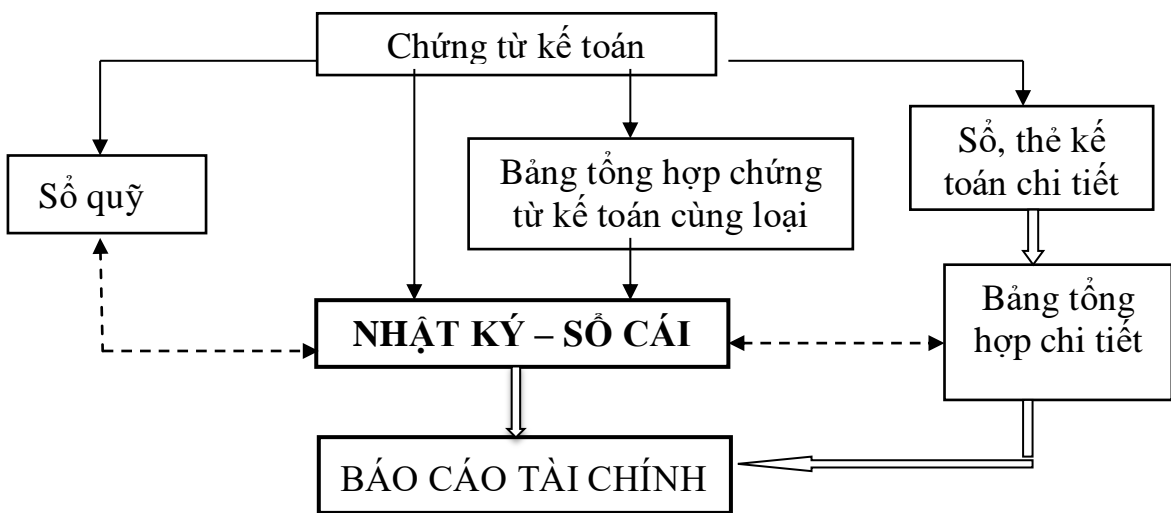
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

❖ Đặc điểm:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ: Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.14 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra ←---

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ Đặc điểm: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

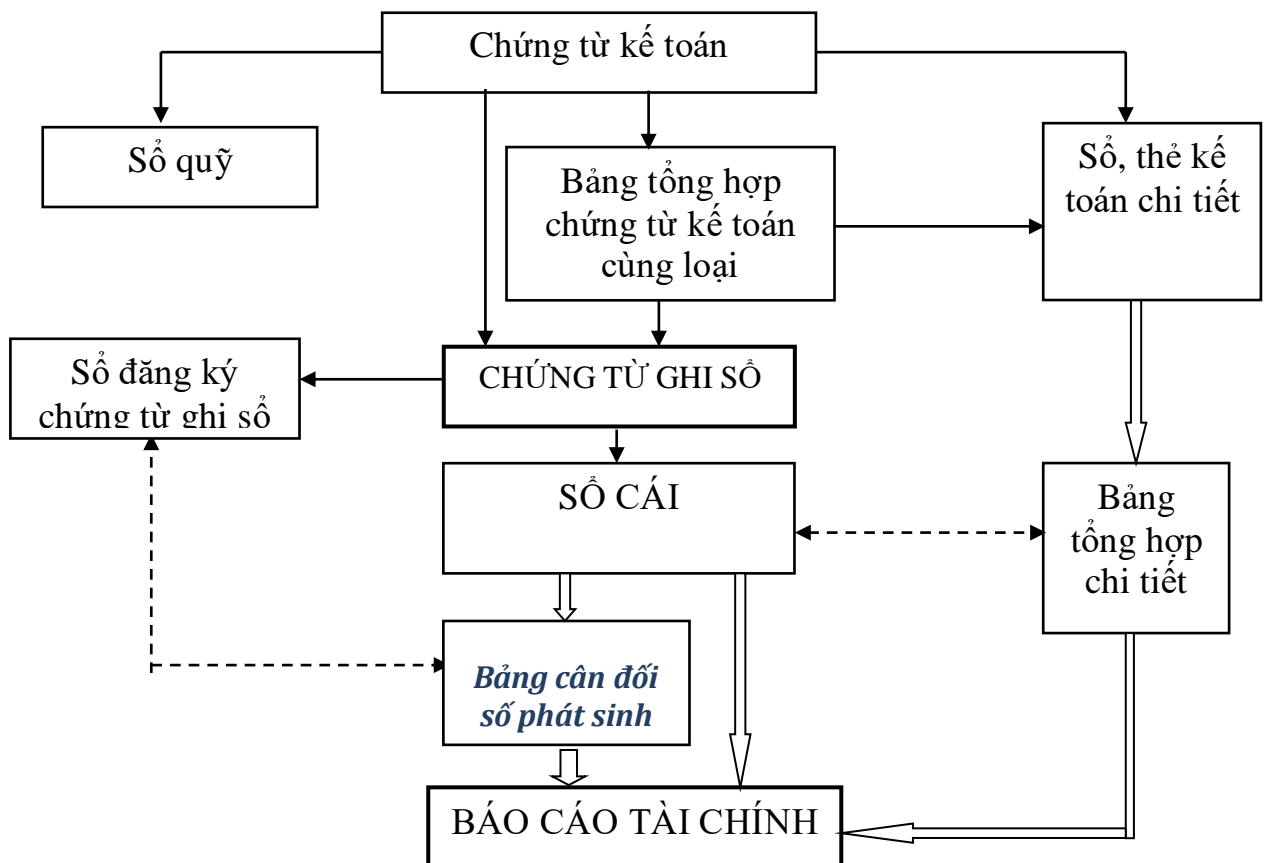
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng

Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**



Sơ đồ 1.15 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra ←---→

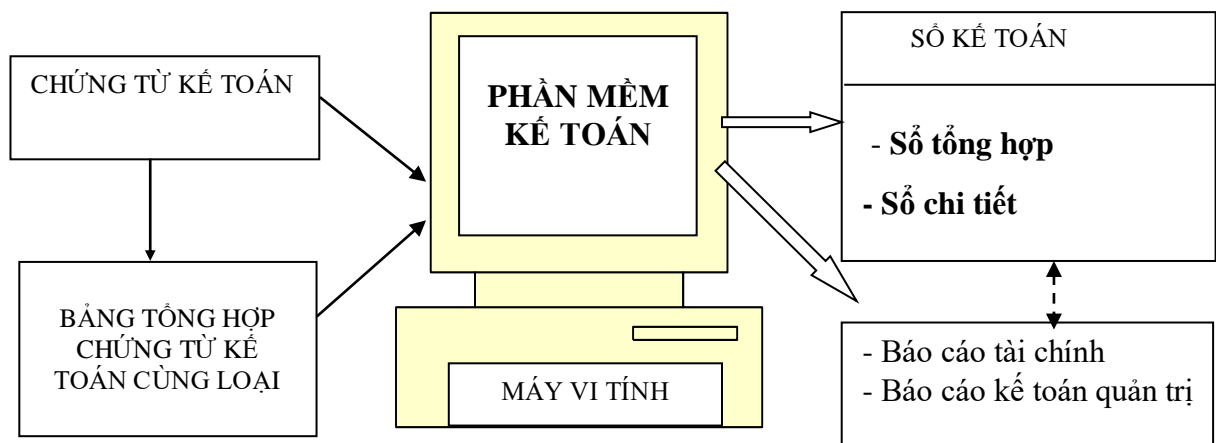
1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc điểm:** công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc

của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**



Sơ đồ 1.16 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày —————→
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ══════════→
- Đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯⋯⋯↔

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ.

2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.

Tên công ty: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ.

- Tên viết tắt là: GOLDENLINE CO., LTD.
- Địa chỉ: Số 66 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng.
- Văn phòng giao dịch: Tầng 3- Tòa nhà Sao Đỏ- số 1B đường bao Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng.
- Số điện thoại liên lạc : 0313.569.256.
- Số Fax : 0313.569.257.
- Vốn điều lệ : 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng).
- Người đại diện pháp lý: Ông Trần Trung Thành.
- Mã số thuế : 0200767349.
- Lĩnh vực kinh doanh : Vận chuyển hàng hóa bằng xe Container.
- Website : <http://www.goldenline.com>.
- Email : info@godenlinevn.com.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0200767349.

Công ty là doanh nghiệp tư nhân được thành lập năm 2007 với tên gọi là công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ. Công ty có 16 thành viên. Ngày 30/10/2007 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, đã cấp giấy phép kinh doanh cho công ty chính thức đi vào hoạt động với hình thức là công ty trách nhiệm hữu hạn. Cho đến nay, Công Ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ đã và đang phục vụ và cung cấp dịch vụ vận tải cho nhiều khách hàng có chủ đầu tư là người Việt Nam và người nước ngoài đầu tư tại Việt Nam. Các Tập Đoàn và các công ty lớn, Các cá nhân có nhu cầu.

Mục tiêu của công ty: Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về vận tải hàng hóa bằng container, kết hợp với việc kinh doanh các lĩnh vực khác nhằm thu lợi nhuận tối đa.

Danh sách thành viên góp vốn:

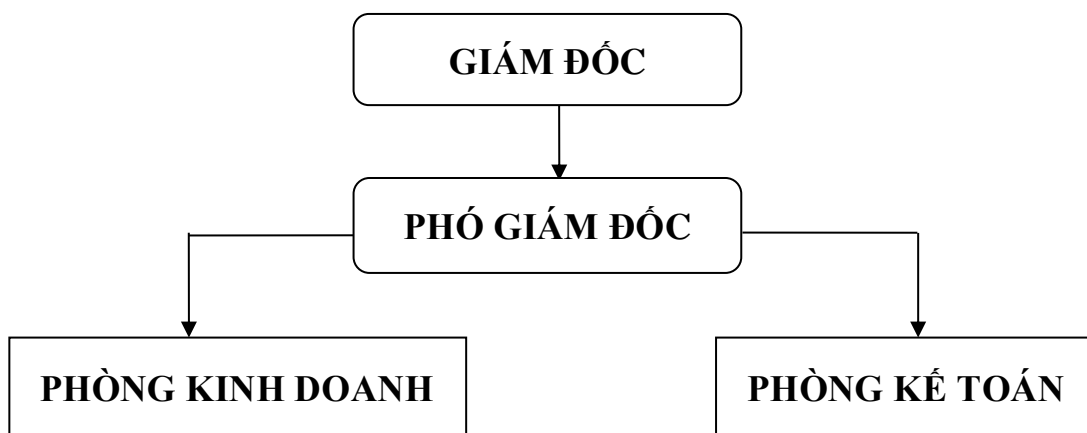
STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ(%)	Số CMND
1	TRẦN TRUNG THÀNH	Số 12D19, Phường Đồng Quốc Bình, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam	1.500.000.000	50	031703230
2	ĐẶNG THỊ THU HƯỜNG	Số 12D19, Phường Đồng Quốc Bình, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam	1.500.000.000	50	031003439

Lĩnh vực hoạt động của công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lô

- Vận chuyển hàng hóa bằng container.
- Vận chuyển hàng lẻ bằng xe nhỏ.
- Chuẩn bị hàng hóa để chuyên chở.
- Tư vấn cho chủ hàng trong việc chuyên chở hàng hóa.
- Ký kết hợp đồng vận tải trong việc chuyên chở, lưu cước, thuê tàu.
- Làm thủ tục nhận hàng, gửi hàng.
- Dịch vụ khai thuế và làm thủ tục xuất nhập khẩu: Mở tờ khai hải quan, làm lệnh giao nhận hàng hóa.
- Mua bảo hiểm cho hàng hóa.
- Lập các chứng từ cần thiết trong quá trình gửi hàng và nhận hàng.
- Nhận hàng từ chủ hàng, giao cho người chuyên chở và giao cho người nhận.
- Thu xếp chuyên tải hàng hóa.
- Nhận hàng từ người chuyên chở và giao cho người nhận.

- Lưu kho, bảo quản hàng hóa.
- Nhận và kiểm tra các chứng từ cần thiết liên quan đến các quá trình vận tải hàng hóa.
- Thanh toán cước phí, chi phí xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi.
- Thông báo tình hình đi và đến của phương tiện vận tải.
- Thông báo tình hình tổn thất với người chuyên chở.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Kim Lộ

Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban:

✓ Giám đốc: Chịu kết quả, quyền hạn cao nhất đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh.

Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

✓ Phó giám đốc: Là người được giám đốc ủy quyền tất cả các công việc khi giám đốc đi vắng, quan hệ đối tác với khách hàng.

✓ Phòng kinh doanh:

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ giám đốc hoặc phó giám đốc, phụ trách kinh doanh, quan hệ đối tác với khách hàng.

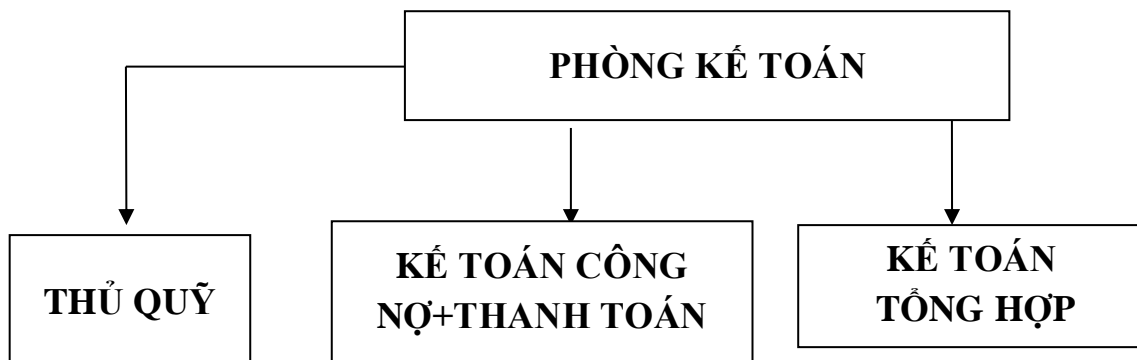
Dự báo cáo vấn đề về hàng hóa và dịch vụ, đề xuất các phương án giá cả và lập kế hoạch kinh doanh cho cả công ty.

✓ Phòng kế toán:

Có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo tài chính. Đồng thời còn tham mưu đắc lực cho giám đốc thông qua tình hình tài chính.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức Bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Kim Lộ

Phòng kế toán theo dõi toàn bộ hoạt động thu chi tài chính của công ty, thực hiện toàn bộ công tác hạch toán từ việc xử lý chứng từ đến lập báo cáo tài chính. Trong phòng kế toán mỗi người có nhiệm vụ chức năng riêng nhưng có mối quan hệ hỗ trợ cho nhau trong quá trình làm việc. Nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận:

Kế toán công nợ, thanh toán: Theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc.

Kế toán tổng hợp: Tập hợp chi phí theo số liệu phát sinh ngày, tổ chức ghi chép, tổng hợp số liệu nhập xuất, các loại vốn, các quỹ của công ty để xác định lãi lỗ, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế. Có chức năng giúp giám đốc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.

Thủ quỹ: Đảm nhận công việc thu chi tiền mặt, lưu trữ hồ sơ, cập nhật chứng từ, báo cáo quỹ hằng ngày, đóng các chứng từ sổ sách có liên quan.

2.1.3.2. Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ áp dụng

- **Chế độ kế toán áp dụng:** Trước 01/01/2017, công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Từ 1/1/2017, công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- **Niên độ kế toán:** Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ** mà công ty sử dụng trong ghi chép kế toán, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ – Đồng Việt Nam (VND).

- **Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:** Theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

- **Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:** Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho:** Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

- **Phương pháp tính thuế GTGT:** Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

❖ Công ty áp dụng hình thức sổ "**Nhật ký chung**", rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của Công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác và kịp thời.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Hình thức ghi sổ: kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B-01/DNN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B-02/DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B-03/DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B-09/DNN).

2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của Ngân hàng,...
- Các chứng từ khác có liên quan.

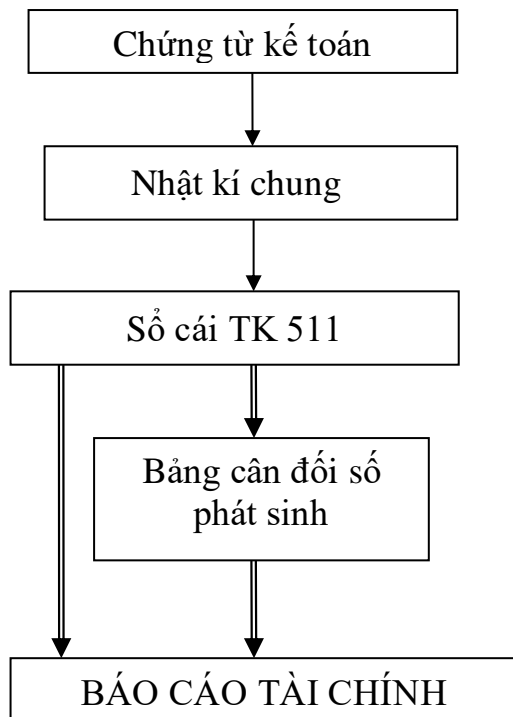
* Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

* Sổ sách sử dụng:

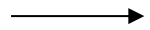
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tk 511.

* Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, định kỳ



Sơ đồ 2.1: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ

Ví dụ minh họa: Ngày 01/12/2017, vận chuyển gạo cho Công ty Huy Quân, số tiền 8.343.687đ đồng, theo hóa đơn số 0002057 (VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán. (Chứng từ liên quan được đính kèm phía sau).

Căn cứ vào HĐ 0002057, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131 : 8.343.687

Có TK 511 : 7.585.170

Có TK 3331: 758.517

Biểu số 2.2. Trích sổ Nhật Ký Chung.

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
HD2057	01/12	Vận chuyển Gạo Công ty TNHH Huy Quân	131	51 1 333 1	8.343.687	7.585.170 758.517
....
GBC300	28/12	Công ty TNHH Đăng Mai thanh toán tiền hàng	112	13 1	19.800.000	19.800.000
GBC502	30/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	51 5	90.307	90.307
.....
		Cộng lũy kế năm			87.342.588.350	87.342.588.350

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3: Trích Sổ cái TK 511

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
		...			
HD205 7	01/1 2	Vận chuyển Gạo Công ty TNHH Huy Quân.	131		7.585.170
HD206 8	02/1 2	Vận chuyển Vải công ty TNHH Linh Hương	131		4.219.650
HD208 2	05/1 2	Vận chuyển đá khô công ty cổ phần Vân Khánh	131		11.368.280
		...			
PKT19	31/1 2	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	12.455.626.400	
		Cộng phát sinh năm		12.455.626.400	12.455.626.400
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

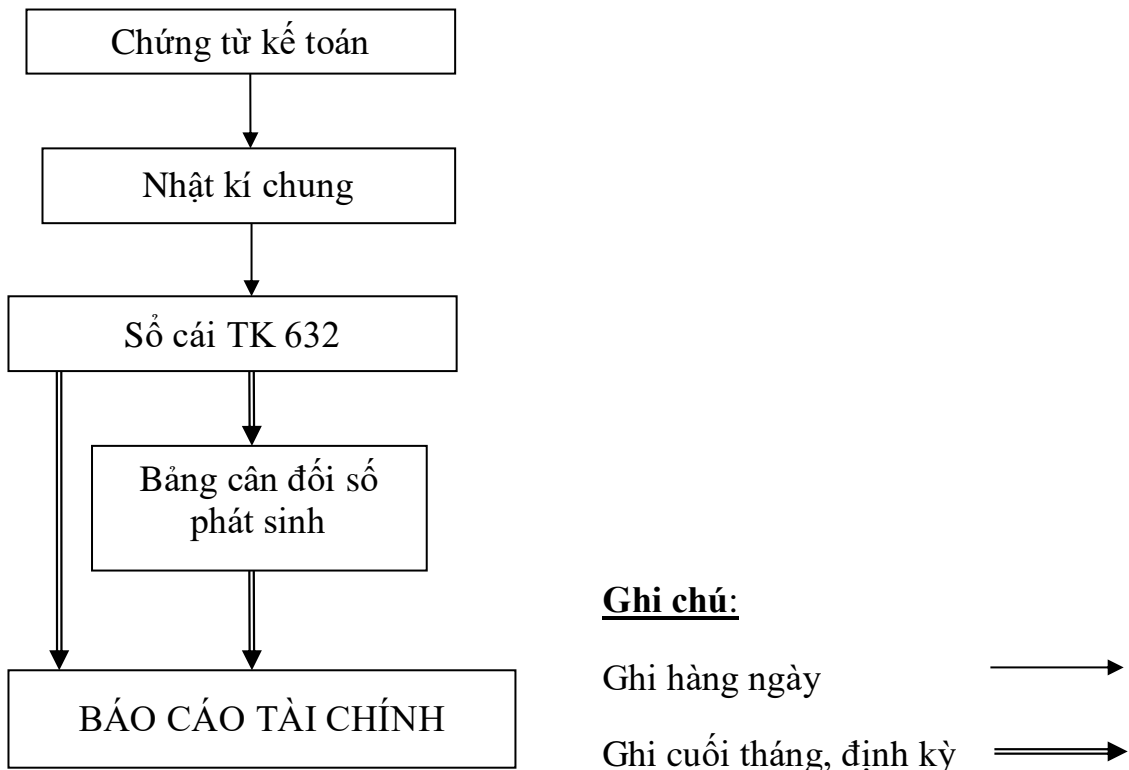
* Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán.

* Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632.

* Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ

Biểu 2.4: Trích Sổ cái TK 154

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
 Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP .

Mẫu số: S03b- DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-
 BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
 Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu : 154

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
.....
BPBL T12	31/1 2	Tiền lương bộ phận lái xe tháng 12/2017	334	46.780.000	
PC12- 36 HĐ945 7	31/1 2	Chi phí sửa chữa xe tháng 12/2017	111	14.131.550	
PKT18	31/1 2	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh tháng 12	632		952.847.573
		Cộng số phát sinh năm		11.376.368.292	11.376.368.292
		<u>Số dư cuối năm</u>			2

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
 (ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.5: Phiếu kế toán số 18

CÔNG TY TNHH TM VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ

Địa chỉ: Số 66 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 18

Ngày 31/12/2017

Nội dung	TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển Chi phí SXKD tháng 12	632	154	952.847.573
Cộng			952.847.573

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.6. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo TT133/2016 TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
HD205 7	01/12	Vận chuyển Gạo Công ty TNHH Huy Quân	131	51 1 333 1	8.343.687	7.585.170 758.517
....
GBC30 0	28/12	Công ty TNHH Đặng Mai thanh toán tiền hàng	112	13 1	19.800.000	19.800.000
GBC50 2	30/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	51 5	90.307	90.307
PKT18	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh tháng 12	632	154	952.847.573	952.847.573
		Cộng lũy kế năm			87.342.588.350	87.342.588.350

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Trích Sổ cái TK 632.

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lô
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016 TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
		...			
PKT18	31/1 2	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh tháng 12	154	952.847.573	
PKT20	31/1 2	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		11.376.368.29 2
		Cộng số phát sinh năm		11.376.368.29 2	11.376.368.29 2
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.

Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ bao gồm:

- Chi phí văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ, dịch vụ mua ngoài như điện nước, điện thoại, internet và các chi phí bằng tiền khác như chi phí hội nghị, tiếp khách,...
- Lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Bảng thanh toán lương.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Các chứng từ có liên quan khác.

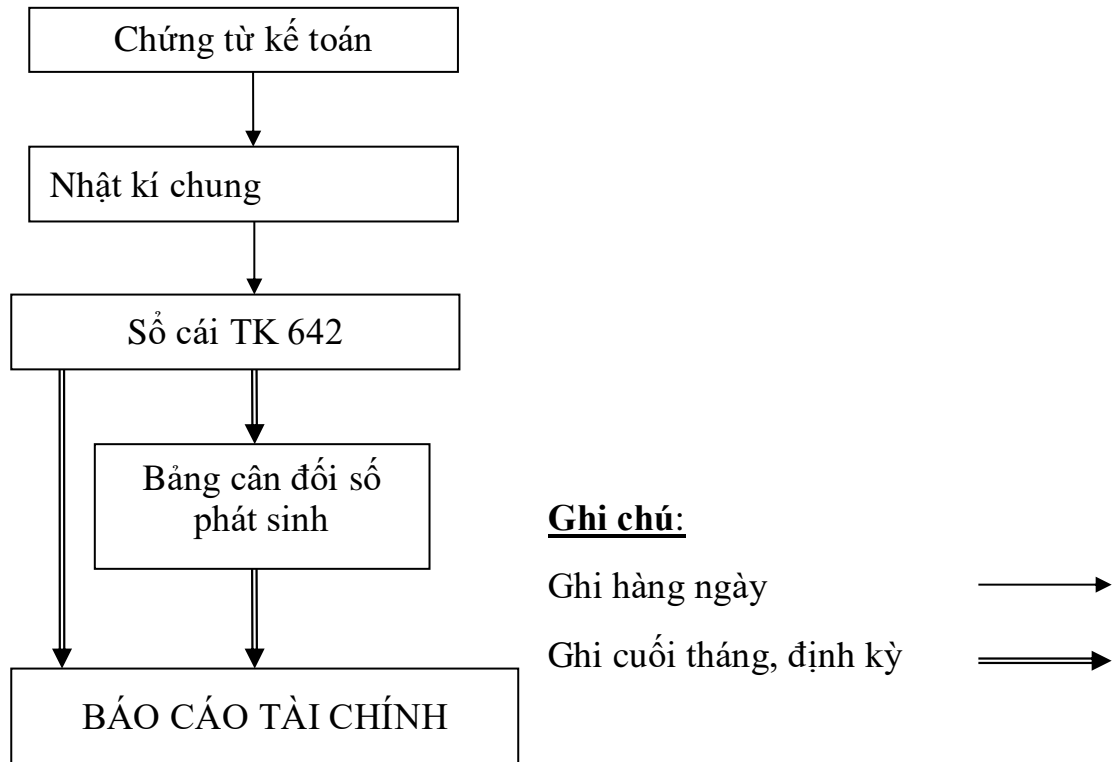
*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh.

*** Sổ sách sử dụng:**

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642.

* Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ

*** Ví dụ minh họa 1:** Ngày 15/12/2016, Công ty mua văn phòng phẩm phục vụ cho văn phòng với trị giá 1.039.500 theo HĐ GTGT 0000083 (Biểu 3.11), đã thanh toán bằng tiền mặt theo Phiếu chi số 12-25 (Biểu 3.12).

Căn cứ vào HĐ GTGT 0000083 và Phiếu chi 12-25, kế toán định khoản:

Nợ TK642 : 945.000
 Nợ TK133 : 94.500
 Có TK111: 1.039.500

Biểu 2.8: Hoá đơn GTGT số 0000083

<p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 15 tháng 12 năm 2017</p>			<p>Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu : TH/15P Số: 0000083</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM HẢI PHÒNG Mã số thuế: 0201204412 Địa chỉ: Số 3A/89 Lê Lợi –Phường Máy Tơ –Quận Ngô Quyền-Hải Phòng Điện thoại: 0313.760.128 Số tài khoản:</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Nguyễn Ngọc Lam Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ Mã số thuế: 0200767349 Địa chỉ: Số 66 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM</p>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy in Double A	Thùng	1	305.000	305.000
2	Bút bi Thiên Long	Hộp	6	44.000	264.000
3	Kẹp tài liệu	Hộp	3	38.000	114.000
4	Bàn dập ghim	Cái	1	151.000	151.000
5	Giá đựng tài liệu	Cái	2	55.500	111.000
Cộng tiền hàng:					
945.000					
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			
94.500					
Tổng cộng tiền thanh toán					
1.039.500					
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu không trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng.</i>					
<p>Người mua hàng (Đã ký)</p>		<p>Người bán hàng (Đã ký)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)</p>	

2.9: Phiếu chi số 12-25

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ

Mẫu số:02- TT

Địa chỉ:số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP. (Ban hành theo TT 133/ 2016/ TT-

BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng

Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Số :12-25

Nợ: 642,133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Bùi Ngọc Anh.

Địa chỉ: Công ty TNHH văn phòng phẩm Hải Phòng

Lý do: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.039.500

Bằng chữ: Một triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(bằng chữ): Một triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo TT 133/ 2016/ TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
...
HĐ2057	01/1 2	Vận chuyển Gạo Công ty TNHH Huy Quân	131	511 3331	8.343.687	7.585.170 758.517
PC12- 25 HĐ0083	15/1 2	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	945.000 94.500	1.039.500
...
BKH T12	31/1 2	Tính khấu hao tháng 12	642 154	214	6.744.350 26.977.401	33.721.751
...
		Cộng lũy kế năm			87.342.588.35 0	87.342.588.350

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.11: Trích sổ cái TK642

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ

Mẫu số:S03b- DNN

Địa chỉ:số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP. (Ban hành theo TT 133/ 2016/ TT-

BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu : 642

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
....
BKH T12	01/12	Trích khấu hao	214	6.477.350	
PC12- 25 HD0083	15/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	945.000	
BTTLT 12	31/12	Trích lương tháng 12	334	54.800.000	
.....
PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		983.760.534
		Cộng số phát sinh năm		983.760.534	983.760.534
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.

➤ **Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ.**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

* Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có của Ngân hàng.
- Sổ phụ của Ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan khác.

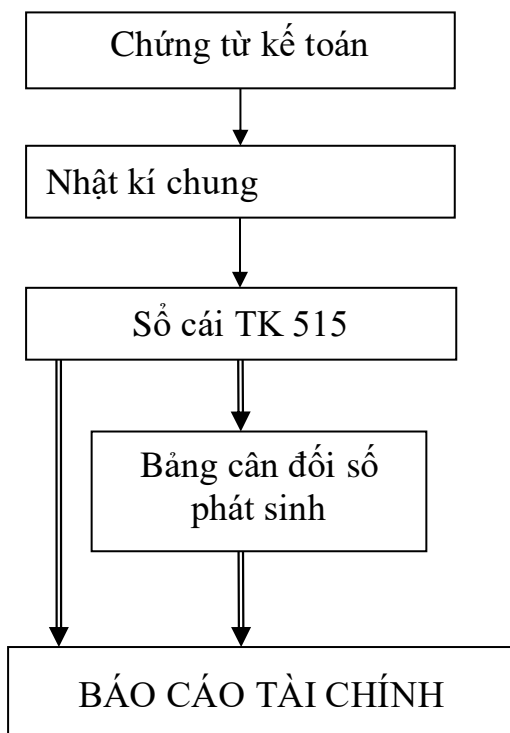
* Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

* Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515.

* Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ ⇨

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ.


***Ví dụ minh họa1:** Ngày 30/12/2017, nhận lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền 90.307 đồng. Chứng từ phát sinh là Giấy báo Có số 502.

Căn cứ vào BC.502 (Biểu 3.13) , kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112: 90.307

Có TK 515: 90.307

Biểu 2.12: Giấy báo có của ngân hàng Công thương Hải Phòng.

 VietinBank.	GIẤY BÁO CÓ Ngày 30/12/2017	Mã GDV: BTTA Số GD: 00502 Giờ: 14:25:02
NH TMCP Công thương CN Hải Phòng		
Kính gửi: CÔNG TY TNHH TM VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ Mã số thuế: 0200767349		
Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 102010000201678		
Số tiền bằng số: 90.307		
Số tiền bằng chữ: Chín mươi nghìn ba trăm lẻ bảy đồng .		
Nội dung: Lãi tiền gửi.		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT

Biểu 2.13: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lô
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		...				
HD2057	01/12	Vận chuyển Gạo Công ty TNHH Huy Quân	131	511 3331	8.343.687	7.585.170 758.517
		...				
PC12- 25 HD0083	15/12	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	945.000 94.500	1.039.500
GBC502	30/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	90.307	90.307
					
		Cộng lũy kế năm			87.342.588.350	87.342.588.350

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.14: Trích Sổ cái TK 515

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
		...			
GBC50 2	30/12	Lãi tiền gửi	112		90.307
		...			
PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.342.997	
		Cộng SPS năm		1.342.997	1.342.997
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Kim Lộ.

Cuối kỳ kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang tài khoản 911. Đồng thời, kế toán xác định thuế TNDN phải nộp, kết chuyển lãi lỗ.

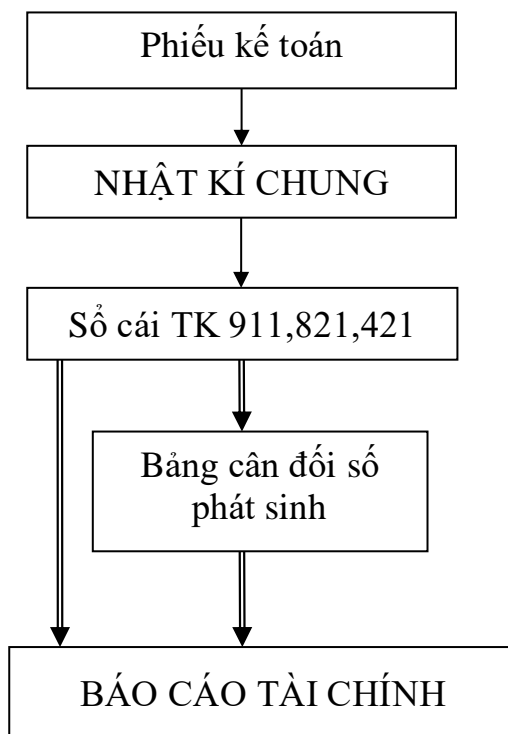
* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

* Sổ kế toán sử dụng:

- TK 911: “Kết quả kinh doanh”
- TK 821: “Chi phí thuế TNDN”
- TK 3334: “Thuế TNDN”
- TK 421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

* Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ ⇨

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ

*** Ví dụ minh họa:**

Ngày 31/12: Căn cứ vào số liệu trên Sổ cái TK 511, TK 515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 19 (Biểu 3.20) để kết chuyển doanh thu, thu nhập

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 19

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh và cung cấp dịch vụ	511	911	12.455.626.400
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.342.997
	Cộng			12.456.969.397

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 20

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	11.376.368.292
2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	983.760.534
	Cộng			12.360.128.826

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 21

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2017	821	3334	19.368.114
	Cộng			19.368.114

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 22

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	19.368.114
	Cộng			19.368.114

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 23

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2017	911	421	77.472.457
	Cộng			77.472.457

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.15: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT -
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/1 2	PKT 19	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	12.455.626.400	
				515	1.342.997	
				911		12.456.969.39 7
31/1 2	PKT 20	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	12.360.128.826	
				632		11.376.368.292
				642		983.760.534
31/1 2	PKT 21	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	19.368.114	
				3334		19.368.114
31/1 2	PKT 22	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	19.368.114	
				821		19.368.114
31/1 2	PKT 23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	77.472.457	
				421		77.472.457
			Cộng lũy kế từ đầu năm		87.342.588.35 0	87.342.588.35 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.16: Trích sổ cái tk 911

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT -
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
		Số phát sinh trong kỳ			
PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		12.455.626.400
PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	11.376.368.292	
PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	983.760.534	
PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu từ hoạt động tài chính	515		1.342.997
PKT22	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	821	19.368.114	
PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	421	77.472.457	
		Cộng SPS năm		12.456.969.397	12.456.969.397
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.17: Trích sổ cái TK421

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
 Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03b- DN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT -
 BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
 Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			<u>132.889.220</u>
PKT23	31/1 2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		77.472.457
		Cộng Số phát sinh năm			77.472.457
		<u>Số dư cuối năm</u>			<u>210.361.677</u>

Biểu 2.18: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: B02- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT -
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	12.455.626.400	9.386.603.502
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.455.626.400	9.386.603.502
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	11.376.368.292	8.553.867.689
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.079.258.108	832.735.813
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.342.997	46.450
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		983.760.534	713.878.940
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25		96.840.571	118.903.323
10. Thu nhập khác	30			
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		96.840.571	118.903.323
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.30	19.368.114	23.780.665
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		77.472.457	95.122.658

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ****3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.****3.1.1. Đánh giá chung**

Công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ tuy là 1 doanh nghiệp thành lập chưa lâu nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chính vì vậy, doanh thu hàng năm của công ty tăng lên rõ rệt. Đó chủ yếu là do sự sáng tạo, năng động của ban giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ, được tiếp xúc với thực tế tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học ở nhà trường. Qua đó, em xin phép được đưa ra 1 số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ.

3.1.2. Ưu điểm của công tác kế toán tại công ty.**❖ Tổ chức bộ máy kế toán.**

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán phát huy được hiệu quả tối đa. Mỗi cán bộ kế toán đảm nhận chức năng, nhiệm vụ riêng, đảm bảo sự chuyên môn hóa, đồng thời phát huy trình độ của mỗi nhân viên.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc phân công phiếm nhiệm. Bộ phận kế toán gồm 3 người: một thủ quỹ, một kế toán công nợ và thanh toán, một kế toán tổng hợp rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn (từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.

Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng hơn. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

❖ Chứng từ kế toán.

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài Chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán khá nhanh chóng, kịp thời. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phân hành nào thì lưu trữ, đảm bảo chứng từ liên quan đến phân hành đó. Vì vậy tránh sự chồng chéo và đảm bảo nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.

❖ Sổ sách kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho công tác ghi chép, quản lý kế toán của công ty.

Các sổ kế toán được mở đầy đủ theo hình thức nhật ký chung, được ghi chép theo đúng chế độ, khoa học đảm bảo được yêu cầu quản lý về đối chiếu kiểm tra, từ đó tránh những sai sót.

❖ Tài khoản sử dụng.

Công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực trong báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư 133/2016/TT – BTC của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

❖ Về hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, đảm bảo theo đúng chế độ kế toán hiện hành và nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu, chi phí như hiện nay là cơ sở quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh .

3.1.3. Nhược điểm của công tác kế toán tại công ty.

Bên cạnh những ưu điểm thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ còn có những mặt hạn chế sau:

- *Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:* công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm. Vì vậy chưa khuyến khích được khách hàng trong việc thanh toán công nợ cho công ty sớm đã làm ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn lưu động của công ty.
- *Thu hồi công nợ:* Công ty đã cố gắng để thu hồi các khoản nợ nhưng lại chưa có biện pháp nào để xử lý, khắc phục theo hướng có lợi cho công ty. Trong khi đó, tình hình kinh tế hiện nay thì nợ khó đòi hoàn toàn có thể xảy ra và trở thành nợ không có khả năng thu hồi. vì vậy công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ có thể tham khảo về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo TT 228/2009TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.
- *Sử dụng phần mềm kế toán trong kế toán:* Hiện nay công ty mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel, Word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc, gây khó khăn trong công tác quản lý, giám sát.

3.2. một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ .

3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện.

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi thì cần đáp ứng các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ

3.2.2.1. Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán bởi vì sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng tiền thu hồi hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu.

❖ Phương pháp xác định:

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể kham khảo của một số doanh nghiệp cũng khối ngành tương đồng về quy mô.

Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành.
- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.
- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng chiết khấu theo thời gian.

Khoản chiết khấu thanh toán có thể áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

❖ Phương pháp hạch toán:

- Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635 : Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131....

- Cuối kì kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911 : Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Ví dụ:

Năm 2017 doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Tại thời điểm này, mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam năm 2017 là 6,8%/năm, mức lãi suất cho vay là 10,5%/năm

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Doanh nghiệp chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán là 9%/năm dựa theo lãi suất ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán * tỷ lệ chiết khấu * số ngày thanh toán trước hạn.

VD: Ngày 04/05/2017: vận chuyển hàng cho công ty cổ phần Linh Hương chưa thu tiền:

ĐK: Nợ 131 : 132.495.000

Có 511 : 120.450.000

Có 3331 : 12.045.000

Ngày 24/05/2017: Công ty cổ phần Linh Hương đã thanh toán toàn bộ 100% tiền cước vận chuyển ngày 04/05/2017, mặc dù hạn thanh toán là ngày 03/06/2017. Công ty cổ phần Linh Hương đã thanh toán trước 10 ngày. Kế toán tính chiết khấu thanh toán cho công ty cổ phần Linh Hương như sau:

- Tiền chiết khấu $9\%/360*10*132.495.000 = 331.238$

ĐK: Nợ TK635 : 331.238

Có TK111 : 331.238

3.2.2.2. Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tác dụng dự phòng phải thu khó đòi: đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các báo cáo tài chính của năm báo cáo.

Về cơ sở pháp lý của việc lập dự phòng: Kế toán căn cứ vào thông tư TT228/2009TT-BTC ban hành 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu

tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Phương pháp xác định: Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ. Các khách hàng quá hạn được sắp xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kê cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu).

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} * \text{Số \% có khả năng mất}$$

Điều kiện lập dự phòng: Doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ bao gồm: Hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi doanh nghiệp có thể áp dụng.

Trước hết doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra và tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Trong đó:

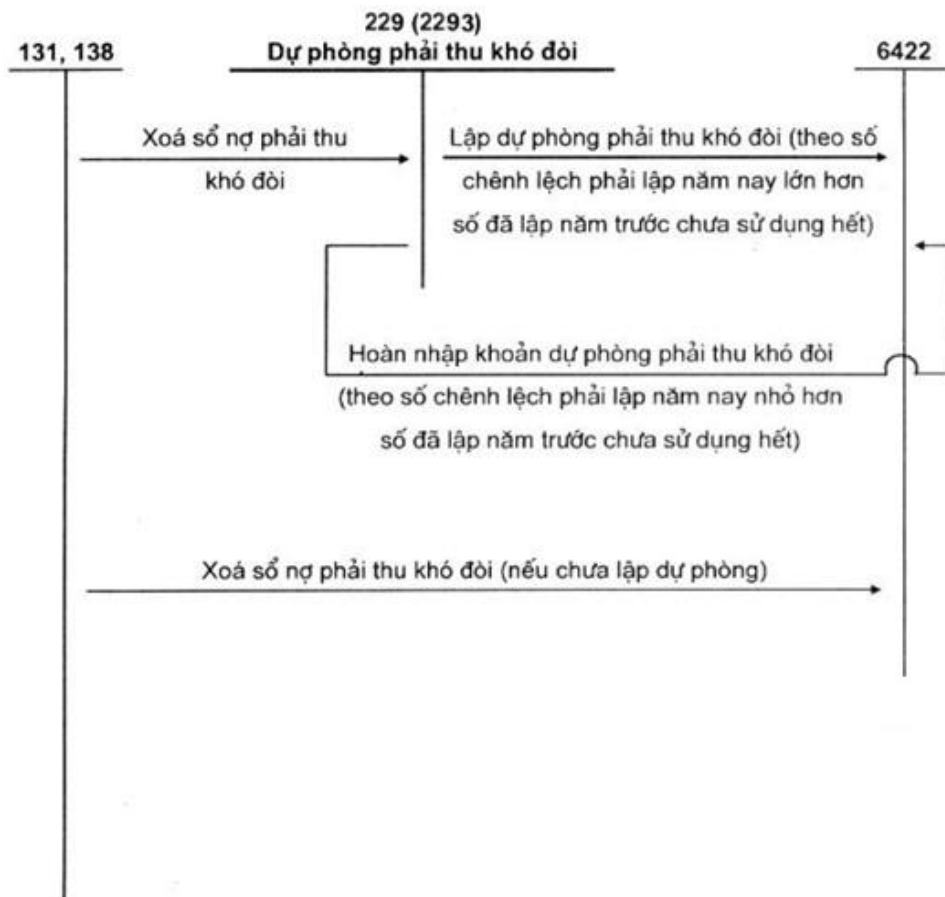
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng tới dưới 1 năm
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ thu quá hạn từ 1 năm tới dưới 2 năm
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ thu quá hạn từ 2 năm tới dưới 3 năm
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với khoản nợ thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự tính mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- **Tài khoản sử dụng:** TK 229 : Dự phòng tổn thất tài sản.
TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi.

- **Kết cấu tài khoản:**

Bên Nợ	Bên Có
<ul style="list-style-type: none">- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kì trước, chưa sử dụng hết.- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất đã xảy ra.- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thu hồi được phải xóa sổ	<ul style="list-style-type: none">- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm báo cáo tài chính.
	Số dư bên có: số dự phòng tổn thất tài sản hiện có ở cuối kỳ.



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi theo TT 133

Biểu 3.1: Báo cáo tình hình công nợ năm 2017

Đơn vị : Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ

Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông - Ngô quyền - Hải phòng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2017

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên công ty	Công nợ với KH	Thời hạn thanh toán	Thời gian quá hạn	Ghi chú
1	Công ty TNHH Hoàng Mai	55.700.000	31/05/2016	1 năm 7 tháng	
2	Công ty TNHH TM Đức Long	4.500.000	15/05/2017	6 tháng 16 ngày	
3	Công ty TNHH Đông Phương	95.050.200	31/05/2017	7 tháng	
4	Công ty CPTM sản xuất Tân Việt Úc	7.500.000	31/03/2017	9 tháng	
..
	Tổng cộng	2.121.284.922			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Sinh viên: Nguyễn Thị Nguyệt

Lớp: QT1702K

Biểu 3.2: Bảng trích lập dự phòng năm 2017

Đơn vị : Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ

Địa chỉ : số 66 Lê Thánh Tông - Ngô quyền - Hải phòng

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

STT	Tên công ty	Công nợ với KH	Thời gian quá hạn	Mức trích lập	Số tiền	Ghi chú
1	Công ty TNHH Hoàng Mai	55.700.000	1 năm 7 tháng	50%	27.850.000	
2	Công ty TNHH TM Đức Long	4.500.000	6 tháng 16 ngày	30%	1.350.000	
3	Công ty TNHH Đông Phương	95.050.200	7 tháng	30%	28.515.060	
4	Công ty CPTM sản xuất Tân Việt Úc	7.500.000	9 tháng	30%	2.250.000	
	Tổng cộng	232.250.200			59.965.060	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Nợ TK 6422 : 59.965.060

Có TK 2293 : 59.965.060

3.2.2.3. Sử dụng phần mềm kế toán.

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

- Ít tốn thời gian: phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là 1 trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Chính xác: các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi xảy ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Dễ sử dụng: hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: MISA, FAST, DMA, GAMA, ASOFT, ADSOFT, METADATA, CYBER ACCOUNTING...

Sau đây em xin đưa ra 1 số giao diện phần mềm kế toán:



Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA



Hình 3.2. giao diện phần mềm kế toán FAST

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Với những kiến thức được trang bị trong quá trình học và quá trình thực tập thực tế tại công ty em đã lựa chọn đề tài này để viết chuyên đề tốt nghiệp của mình. Xuất phát từ thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ em đã mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức của bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo góp ý của các thầy cô giáo, ban lãnh đạo và các anh chị trong phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ để đề tài của em có giá trị thực tế.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn của cô giáo là Th.s.Trần Thị Thanh Phương, ban lãnh đạo và đặc biệt là các anh chị trong phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 2 tháng 6 năm 2018

Sinh viên

Nguyễn Thị Nguyệt

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thế Chi (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Đặng Thị Loan (2016), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân.
3. Thông tư 133/2016/TT- BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.
4. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Kim Lộ năm 2017.